

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI
Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế lượng căn bản - 04-208211

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11222001	LÊ QUANG ĐỨC	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11222002	VƯƠNG THÀNH AN	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11222003	PHẠM BÌNH AN	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11222005	VÕ CHÍ	TC11QTTD	<i>Long</i>					5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11222012	LÊ NGỌC HÂN	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11222013	LÊ THỊ MAI	TC11QTTD	<i>Thủy</i>					6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11222014	MAI XUÂN HẢI	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11222015	ĐÀO THỊ HỒNG	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11222017	NGUYỄN HỮU HƯNG	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11222018	NGUYỄN HỮU HUY	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11222026	PHAN THỊ LIÊN	TC11QTTD	<i>Liên</i>					5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11222028	TRƯƠNG THỊ LIỆU	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11222032	NGUYỄN VĂN NGÔ	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11222033	NGUYỄN VÕ KIM NGÂN	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11222035	TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	TC11QTTD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI LẠI
Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế lượng căn bản - 04-208211

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11222039	TRẦN THÀNH PHƯƠNG	TC11QTTD						6	10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC11QTTD						10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	TC11QTTD						10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11222042	NGUYỄN HỒNG SƠN	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11222044	NGUYỄN VĂN TÂY	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11222050	NGUYỄN TẤN THANH	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	TC11QTTD						10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11222053	PHAN VĂN TƯỜNG	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11222057	PHẠM MINH TRỌNG	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11222058	NGUYỄN VĂN TRỌNG	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11222059	VŨ QUANG VỸ	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11222061	ĐỖ KIM PHƯƠNG	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11223006	ĐẶNG HIẾU HIỀN	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11223010	NGUYỄN HUỖNH NHƯ HUYỀN	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11223011	HỒ QUỐC LÂM	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11223018	CAO THỊ NHÂM	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11223021	VÕ THỊ HỒNG THƠ	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11223027	NGUYỄN VINH TUẤN	TC11QTTD							10 8 3 3 3 4 5 6 7 8 9 10	1 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:
Cán bộ coi thi 1

Hiện diện: : 4

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Luu Quang Khoa


Le Thi Nguyet


Tran Hieu Nam